

DANH SÁCH BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SỐ 01
Địa điểm: thôn Đắk Long, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Thông báo /TB-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

STT	Tờ Bản đồ khu đất tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Chí Tâm lập ngày 17/3/2026								Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 năm 2016				GCNQSDĐ (nếu có)	Ghi chú
	Người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ người quản lý, sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m²)		Loại đất	Ký hiệu loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m²)	Ký hiệu Loại đất		
					Đo vẽ	Diện tích thu hồi								
1	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	1	3.525,1	1.884,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	2	2.747,4	953,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
3	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	3	51.222,0	41.688,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
4	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	4	19.612,8	14.743,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
5	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	5	30.297,2	28.067,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
6	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	6	56.359,8	56.359,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
7	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	7	83.926,5	83.926,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
8	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	8	30.346,1	27.964,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
9	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	9	41.295,7	38.076,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
10	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	10	4.884,0	4.787,6	Đất công trình giao thông	DGT						
11	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	11	3.060,1	2.667,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
12	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	12	60.401,0	60.401,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
13	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	13	8.451,8	8.451,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
14	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	1	14	14.939,8	14.420,6	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
15	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	1	15	3.104,3	2.996,3	Đất rừng sản xuất	RSX						

16	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	1	16	7.551,4	7.072,7	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
17	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đăk Long, xã Măng Đen	1	17	18.966,8	18.966,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
18	Bà Trương Thị Tinh	Thôn Kon Plông, xã Măng Đen	1	18	15.936,5	8.780,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
19	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	19	1.820,4	157,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
20	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	20	44.210,6	41.661,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
21	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	1	21	2.157,0	2.157,0	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
22	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	1	24,3	13,9	Đất công trình thủy lợi	DTL						
23	Nguyễn Văn Hạt	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	2	266,1	156,5	Đất ở tại nông thôn	ONT						
24	Đỗ Minh Quang	Đường Võ Nguyên Giáp, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	3	245,0	106,6	Đất ở tại nông thôn	ONT						
25	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	4	1.514,4	1.514,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
26	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	5	2.288,6	2.262,6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD						
27	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	6	1.704,6	1.704,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
28	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	7	860,3	860,3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK						
29	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	8	4.796,5	4.796,5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
30	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	9	5.620,8	5.595,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
31	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	10	3.171,6	3.171,6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK						
32	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	11	22.696,2	8.054,4	Đất công trình giao thông	DGT						
33	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	12	41.538,9	40.742,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
34	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	13	650,5	534,0	Đất bằng chưa sử dụng	BCS						
35	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	14	5.019,8	4.799,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
36	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	15	2.405,1	2.121,1	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						

37	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	16	1.500,0	1.500,0	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
38	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	17	2.129,7	2.129,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
39	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	2	18	1.204,2	400,7	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
40	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	19	1.050,5	1.050,5	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
41	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	20	7.404,0	7.404,0	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
42	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	21	14.575,0	14.575,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
43	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	22	13.091,5	13.091,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
44	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	23	10.528,9	10.511,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
45	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	2	24	2.132,3	1.350,7	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
46	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	25	55.269,9	8.278,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
47	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	26	11.151,9	11.151,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
48	Công ty CP Sài Gòn Măng Đen	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Đắk Ke, xã Măng Đen	2	27	2.090,5	103,1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC						
49	Công ty CP Sài Gòn Măng Đen	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Đắk Ke, xã Măng Đen	2	28	14.507,7	377,6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC						
50	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	29	3.940,0	2.339,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
51	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	30	2.848,6	2.848,6	Đất công trình giao thông	DGT						
52	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	31	24.212,7	20.125,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
53	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	32	6.687,2	3.849,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
54	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	33	19.736,0	19.661,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
55	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	34	14.871,9	5.816,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
56	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	35	22.262,3	15.133,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
57	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	36	82.847,1	25.396,0	Đất rừng sản xuất	RSX						

58	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	37	3.804,4	3.396,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
59	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	38	62.971,6	62.305,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
60	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	39	13.873,5	10.813,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
61	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	40	3.647,2	3.647,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
62	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	2	41	2.085,2	2.085,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
63	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	42	26.181,4	26.181,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
64	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	43	83.417,2	30.469,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
65	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	2	44	44.821,6	44.821,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
66	Ông Lê Nguyên Phú và Bà Vũ Thị Khánh Ngọc	xã Măng Đen	3	1	4.198,7	4.162,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	1	4198,7	HNK	CK517081	
67	Ông Đỗ Văn Thuận và Bà Đỗ Thị Bảo	Tỉnh Bắc Ninh	3	2	4.279,4	4.273,5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	2	4279,4	HNK	CK 517082	
68	Bà Trần Thị Kim Thanh	Số 2, Tổ 1, đường Xuân Thủy, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	3	3	34.498,9	34.498,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN	68	3	34498,9	CLN		
69	Ông Lê Nguyên Phú và Bà Vũ Thị Khánh Ngọc	xã Măng Đen	3	4	2.202,8	2.202,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	4	2202,8	HNK	CK 517783	
70	Hộ Y Ria	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	3	5	8.171,2	8.171,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	5	8171,2	HNK		
71	Hộ Bà Y Mer	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	3	6	6.460,1	5.899,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	6	6460,1	HNK		
72	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	7	855,9	855,9	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	68	7	855,9	DCS		
73	Bà Trần Thị Kim Thanh	Số 2, Tổ 1, đường Xuân Thủy, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	3	8	3.983,2	3.892,9	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	8	3983,2	HNK		
74	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	8	375,0	4,2	Đất công trình giao thông	DGT	65	8	375	DGT		
75	Bà Trần Thị Thanh Tuyền	Thành phố Hồ Chí Minh	3	9	1.858,1	1.858,1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	9	1858,1	HNK	CK 517624	
76	Hộ Nguyễn Thị Thu Ba	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	10	11.860,8	2.498,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	10	11860,8	HNK		
77	Hộ ông Phan Văn Nguyên	Thôn Kon Plông, xã Măng Đen	3	11	2.795,8	2.612,9	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	11	2795,8	HNK		
78	Bà Trần Thị Kim Thanh	Số 2, Tổ 1, đường Xuân Thủy, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	3	12	4.242,6	4.197,5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	12	4242,6	HNK		
79	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	13	10.831,6	8.152,4	Đất có mặt nước chuyên dùng ao, hồ, đầm, phá	MNC	68	13	10831,6	MNC		

80	Ông Nguyễn Văn Cường và bà Phạm Thị Thuý Dương	Thành phố Hà Nội	3	14	3.038,8	3.038,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	14	3038,8	HNK	CH 02428	
81	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	15	20.822,4	14.631,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	65	15	20822,4	CLN		
82	Hộ ông Phan Văn Nguyên	Thôn Kon Plông, xã Măng Đen	3	15	22.419,5	21.557,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	68	15	22419,5	CLN		
83	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	3	16	1.622,4	1.082,2	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL	65	16	1622,4	DNL		
84	Hộ Nguyễn Ngọc Thơ	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	16	29.451,0	29.419,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	68	16	29451	CLN		
85	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	30	37.354,5	23.868,5	Đất rừng sản xuất	RSX	65	17	37354,5	RSX		
86	Hộ ông Nguyễn Văn Thức	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	17	4.310,9	75,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	17	4310,9	HNK		
87	Bà Lê Thị Mai	Thành phố Hà Nội	3	18	5.035,9	5.035,9	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	18	5035,9	HNK	CK 517640	
88	Hộ ông Nguyễn Duy Hào	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	18	24.908,5	23.945,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	68	18	24908,5	HNK		
89	Ông Nguyễn Vương Vinh	Thành phố Hồ Chí Minh	3	19	4.689,2	4.689,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	19	4689,2	HNK	CK 517625	
90	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	19	4.861,6	3.986,5	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	68	19	4861,6	SON		
91	Ông Hoàng Trần Hậu	Thành phố Hà Nội	3	20	9.588,5	9.588,5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	20	9588,5	HNK	CK 517636	
92	Ông Nguyễn Văn Quynh	28 Mai Chí Thọ, Căn 1007, toà nhà F1 đường tân, P Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh	3	21	3.256,7	3.256,7	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	21	3256,7	HNK	CK 517618	
93	Hộ Y Hề	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	3	22	5.071,6	4.946,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN	65	22	5071,6	CLN		
94	Ông Nguyễn Vương Vinh và Bà Nguyễn Thị Thanh Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	3	23	2.829,2	2.739,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	23	2829,2	HNK	CH 517633	
95	Hộ A Niêm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	3	24	4.340,8	4.317,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	24	4340,8	HNK		
96	Hộ Trịnh Ngọc Tín	xã Măng Đen	3	25	21.430,8	21.430,8	Đất trồng cây lâu năm	CLN	65	25	21430,8	CLN		
97	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	26	266,4	266,4	Đất công trình giao thông	DGT	65	26	266,4	DGT		
98	Đình Văn Minh	Ô số 57 HH05, phường Long Biên, thành phố Hà Nội	3	27	3.811,3	3.811,3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65	27	3811,3	HNK		
99	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	3	28	1.437,0	1.437,0	Đất trồng cây lâu năm	CLN	65	28	1437	CLN		
100	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	3	29	8.928,9	1.720,8	Đất rừng sản xuất	RSX	65	29	8928,9	RSX		
101	A Phong	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	1	11.263,2	11.263,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
102	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	2	14.732,4	14.732,4	Đất rừng sản xuất	RSX						

103	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	3	12.252,4	11.281,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
104	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	4	2.365,9	2.365,9	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC						
105	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	5	26.904,2	26.904,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
106	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	6	14.292,6	11.118,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
107	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	7	61.284,0	1,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
108	A BRôm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	4	8	4.386,2	4.386,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
109	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	9	843,2	196,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
110	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	10	4.721,1	4.721,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
111	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	11	1.815,0	1.245,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
112	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	12	14.790,5	14.790,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
113	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	13	19.035,4	19.035,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
114	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	14	2.739,5	2.739,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
115	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	15	21.562,2	1.511,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
116	Đại học Cần Thơ	Khu II, Đường 3/2, phường Ninh Kiều, TP cần Thơ	4	16	159.742,9	94.048,1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD						
117	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	17	4.755,2	4.460,6	Đất công trình giao thông	DGT						
118	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	18	374,7	374,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
119	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	19	47.299,8	47.299,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
120	Sân vận động (Trung tâm cung ứng dịch vụ công)	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	20	39.988,1	39.725,4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT						
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	4	21	1.242,5	1.242,5	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
122	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	22	2.543,2	2.543,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
123	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	23	14.561,0	14.561,0	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						

124	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	24	45.927,7	45.205,0	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
125	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	25	73.585,2	73.585,2	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
126	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	26	11.507,2	11.507,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
127	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	27	4.983,9	26,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
128	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	28	22.086,9	22.086,9	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
129	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	29	15.788,0	15.788,0	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
130	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	30	83.071,2	83.071,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
131	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	31	7.937,2	7.937,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
132	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	32	4.467,3	4.467,3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
133	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	34	1.443,9	1.443,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
134	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	35	2.237,2	2.179,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
135	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	36	655,8	655,8	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
136	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	37	8.713,8	8.713,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
137	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	38	15.979,5	15.979,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
138	Ông Trần Đình Toàn	Số 18 Trần Quốc Toàn, thôn Kon Plông, xã Măng Đen	4	39	6.800,6	6.800,6	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
139	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	40	4.586,2	4.586,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
140	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	41	924,4	924,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
141	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	42	4.050,3	452,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
142	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	43	2.255,8	1.357,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
143	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	44	8.544,9	8.525,8	Đất rừng sản xuất	RSX						

144	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	45	4.542,5	4.542,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
145	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	46	9.497,7	9.497,7	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
146	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	47	515,3	515,3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
147	Điện Lực KonPlong	xã Măng Đen	4	48	1.097,4	1.097,4	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
148	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	49	1.768,5	1.768,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
149	Đinh Văn Lâm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	4	50	3.003,9	3.003,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
150	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	51	13.721,7	11.726,3	Đất công trình giao thông	DGT						
151	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	52	11.997,6	11.997,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
152	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	4	53	2.780,3	2.780,3	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
153	Đinh Văn Lâm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	4	54	3.360,8	3.360,8	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
154	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	55	20.983,8	20.983,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
155	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	56	5.125,9	5.125,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
156	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	57	12.735,9	12.735,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
157	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	58	13.923,3	13.923,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
158	Đinh Văn Lâm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	4	59	3.550,1	3.550,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
159	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	60	4.661,3	4.661,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
160	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	61	5.964,8	5.964,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
161	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	62	612,5	612,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
162	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	63	2.974,2	2.974,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
163	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	64	19.102,2	19.102,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
164	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	65	7.272,5	5.447,6	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
165	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	66	24.272,4	21.727,8	Đất rừng sản xuất	RSX						

166	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	67	5.561,7	5.561,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
167	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	68	3.495,1	3.495,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
168	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	69	5.744,8	5.744,8	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
169	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	70	1.706,4	1.706,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
170	Điện Lực KonPlong	xã Măng Đen	4	71	1.241,2	1.241,2	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
171	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	72	8.405,3	8.405,3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
172	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	73	1.739,5	1.739,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
173	Đình Văn Lâm	Thôn Kon Pring, xã Măng Đen	4	74	7.766,0	7.766,0	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
174	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	75	590,1	590,1	Đất công trình giao thông	DGT						
175	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	76	9.543,6	9.543,6	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
176	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	77	11.456,2	11.456,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
177	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	78	7.115,1	7.115,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
178	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	79	306,6	306,6	Đất công trình giao thông	DGT						
179	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	80	2.958,5	2.958,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
180	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	81	5.892,0	5.892,0	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
181	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	82	19.808,9	19.808,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
182	Điện Lực KonPlong	xã Măng Đen	4	83	126,0	126,0	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
183	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	84	14.395,3	57,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
184	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	86	3.539,0	3.539,0	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
185	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	87	2.580,3	2.580,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
186	Điện Lực KonPlong	xã Măng Đen	4	88	829,8	829,8	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
187	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	89	3.495,4	3.495,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						

188	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	4	90	3.680,7	3.444,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
189	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	91	2.731,6	1.527,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
190	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	92	14.475,9	14.475,9	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
191	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	94	5.851,4	5.851,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
192	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	4	95	4.806,3	4.806,3	Đất công trình giao thông	DGT						
193	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	4	96	1.338,8	1.338,8	Đất công trình giao thông	DGT						
194	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	5	1	5.363,3	5.363,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
195	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	5	2	13.727,4	4.383,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
196	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	5	3	32.053,2	20.205,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
197	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	5	4	15.534,3	11.290,0	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
198	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	5	5	1.657,7	1.124,6	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
199	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung (Đội truyền tải điện Kon Plông-Truyền tải điện Quảng Ngãi--Công ty truyền tải điện 2)	168 Phạm Văn Đồng, p Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	5	6	13.546,5	9.963,1	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
200	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	5	7	9.112,9	9.112,9	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
201	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	5	8	6.958,2	3.344,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
202	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	5	9	43.859,3	15.364,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
203	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	5	10	4.936,6	4.676,0	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
204	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Măng Đen	Thôn Kon Plông, xã Măng Đen	5	11	22.243,8	1.803,9	Đất nông nghiệp khác	NKH						
205	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	5	12	15.709,2	12.489,7	Đất công trình giao thông	DGT						
206	Công ty CP Dược liệu Mekong	Số nhà 58, đường Phan Đình Phùng, phường Kon Tum	5	13	3.003,0	1.223,4	Đất rừng sản xuất	RSX						

207	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	5	14	6.467,8	1.197,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
208	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	1	25.185,2	25.185,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
209	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	2	4.755,8	4.755,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
210	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	3	4.891,4	4.889,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
211	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	4	20.349,3	20.349,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
212	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	5	1.995,3	1.995,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
213	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	6	8.987,1	8.987,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
214	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	7	1.123,2	1.123,2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
215	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	6	8	1.476,7	1.476,7	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
216	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	9	7.950,2	7.950,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
217	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	10	2.083,2	2.083,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
218	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	11	4.134,1	4.134,1	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK						
219	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	12	11.942,1	11.942,1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
220	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	6	14	2.647,1	2.647,1	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
221	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	6	15	2.418,5	2.418,5	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
222	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	16	2.649,1	2.625,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
223	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	17	15.039,9	5.018,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
224	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	18	10.990,0	8.850,4	Đất rừng sản xuất	RSX						
225	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	6	19	2.727,6	2.068,1	Đất công trình công cộng, chiếu sáng công cộng	DNL						
226	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	20	3.822,6	3.822,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
227	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	21	12.602,5	12.602,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						

228	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	22	4.728,0	4.728,0	Đất công trình giao thông	DGT						
229	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	23	3.023,5	3.023,5	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
230	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	24	31.704,5	22,0	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK						
231	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	25	4.214,2	4.214,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
232	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	26	2.108,1	2.108,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
233	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	27	36.287,3	33.864,1	Đất nông nghiệp khác	NKH						
234	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	28	1.466,3	1.466,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
235	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	29	9.166,3	8.722,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
236	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	30	14.650,0	14.650,0	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
237	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	31	18.591,5	18.590,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
238	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	32	22.678,2	16.382,0	Đất rừng sản xuất	RSX						
239	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	33	3.244,6	51,2	Đất rừng sản xuất	RSX						
240	Nguyễn Văn Thành	xã Măng Đen	6	34	4.301,4	4.141,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
241	Nguyễn Văn Thành	xã Măng Đen	6	35	20.201,3	20.201,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
242	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)	Số 15-17 Thái Văn Lung, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng	6	36	3.994,6	3.994,6	Đất công trình giao thông	DGT						
243	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	37	21.098,2	16.287,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
244	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	38	28.196,7	2.126,9	Đất rừng sản xuất	RSX						
245	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	39	19.115,3	19.115,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
246	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	40	9.581,6	9.581,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
247	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	41	8.152,4	8.152,4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
248	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	42	6.771,1	6.771,1	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
249	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	43	25.844,1	771,7	Đất rừng sản xuất	RSX						
250	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	44	20.912,3	1.378,8	Đất rừng sản xuất	RSX						
251	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	45	4.465,0	4.465,0	Đất rừng sản xuất	RSX						

252	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	46	12.812,9	12.800,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
253	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	47	16.263,9	3.608,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
254	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	48	1.872,5	1.872,5	Đất rừng sản xuất	RSX						
255	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	49	3.085,7	2.518,5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
256	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	50	10.804,0	2.837,6	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
257	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	51	13.014,4	10.596,8	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
258	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	52	11.451,8	7.277,8	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
259	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	53	4.130,6	3.931,3	Đất rừng sản xuất	RSX						
260	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	54	12.047,4	7.230,1	Đất rừng sản xuất	RSX						
261	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	55	1.808,2	942,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
262	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	6	56	6.061,6	241,6	Đất rừng sản xuất	RSX						
263	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	6	57	1.046,9	1.046,9	Đất công trình giao thông	DGT						
264	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kon Plông	Thôn Đắk Long, xã Măng Đen	7	1	960,6	960,6	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	70	1	960,6	DCS		
265	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	1	20.419,9	14.547,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	69	1	20.419,9	HNK		
266	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	2	6.284,2	6.284,2	Đất	DCS	70	2	6.284,2	DCS		
267	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	2	10.045,0	2.116,4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	69	2	10.045,0	HNK		
268	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	10	4.044,2	3.576,1	Đất công trình giao thông	DGT	70	10	4.040,2	DGT		
269	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	30	9.444,0	9.261,1	Đất rừng sản xuất	RSX	70	5	9.444,0	RSX		
270	UBND xã Măng Đen	Số 01 Nguyễn Huệ, thôn Măng Đen, xã Măng Đen	7	31	1.725,1	1.218,0	Đất rừng sản xuất	RSX	70	5	1.725,1	RSX		
Tổng cộng					3.416.004,8	2.644.047,1								